

Bản án số: 1432/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/11/2019

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Chính
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 352/2019/TLST– HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 309/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/10/2019 Quyết định hoãn phiên tòa số: 230/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L – sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp 6, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lê Trí V – sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 3, ấp 6, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/03/2019, bản tự khai ngày 20/5/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Lê Trí V tự nguyện kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại Tân Bình, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên đánh đập bà, ngoài ra ông V có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, bà cũng đã khuyên can ông V và cố gắng bỏ qua để gia đình không đổ vỡ nhưng không được, ông V vẫn không sửa đổi, do đó vợ chồng không còn chung

sống với nhau khoản 02 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông V.

- Về con chung: 02 người tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 15/7/1994 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01/10/1995, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 20/10/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Lê Trí V trình bày:

Ông và bà Trần Thị L tự nguyện kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi cưới, vợ chồng sống tại Tân Bình, trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng ông không muốn ly hôn, vì các con ông đã trưởng thành, ông sợ ảnh hưởng đến tương lai của con cái, gia đình.

- Về con chung: 02 người tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 15/7/1994 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01/10/1995, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn không có mặt, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông V tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/08/1995 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh cấp thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông V là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông V. Bà L khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ nhiều năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V thường xuyên đánh đập bà, ngoài ra, ông V còn có tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, vợ chồng bà đã ly thân khoảng 02 năm nay. Bà nhận thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Tại phiên tòa, ông V khai quá trình chung sống, cuộc sống gia đình có nhiều mâu thuẫn nhưng ông vẫn cố gắng hàn gắn, không đồng ý ly hôn vì tương lai con cái và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Tòa án đã động viên, hòa giải để vợ chồng bà L, ông V trở về đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý, yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét thấy, bà L và ông V đã có nhiều mâu thuẫn từ nhiều năm nay, ông V, bà L thường xuyên cãi nhau, ông V thường xuyên uống bia rượu về nhà đánh đập bà L, việc này địa phương cũng biết. Bà L cũng đã nhịn nhục bỏ qua nhưng ông V vẫn không thay đổi, hành động của ông V đã xâm phạm đến thể xác và tinh thần của người phụ nữ, người vợ được pháp luật bảo vệ. Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà L, ông V đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Xét ý kiến của bị đơn, ông V không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến tương lai của con cái, gia đình. Hội đồng xét thấy, nếu ông V thật sự coi trọng gia đình, vợ con thì không có hành động đánh đập vợ, Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2019 của ban nhân dân ấp 6, nơi ông V, bà L đang sinh sống thì địa phương cho biết ông V nhiều lần đánh đập bà L. Ông V không coi trọng gia đình, vợ con, đã xâm phạm đến thể xác và làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà L, hành động của ông V bị pháp luật ngăn cấm và xã hội lên án. Do đó, HĐXX bác yêu cầu xin đoàn tụ của ông V.

Ngoài ra, tại phiên tòa, ông V có yêu cầu nếu bà L đền bù sức khỏe cho ông thì ông sẽ đồng ý ly hôn, vì khi kết hôn ông là một thanh niên khỏe mạnh. Nay ông già yếu bà L xin ly hôn, ông không đồng ý, ông không yêu cầu đền bù bằng tiền, ông chỉ yêu cầu bà L trả lại sức khỏe cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy luật của thời gian thì ai cũng phải già yếu, do đó, yêu cầu này của ông V rất phi thực tế, nên không chấp nhận.

-Về con chung: 02 người tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 15/7/1994 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01/10/1995, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện VKS đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Trí V.

2/ Về con chung: 02 người tên Lê Thị Mỹ D, sinh ngày 15/7/1994 và Lê Tuấn A, sinh ngày 01/10/1995, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà L đã nộp theo biên lai số 0003827 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.HM;
- Chi Cục THADS H.HM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng

